

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2021/HS-ST**

Ngày: 19/8/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung

Ông Trần Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2021/TLST- HS ngày 16 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 đối với:

Các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1970 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 8, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân N con bà Vũ Thị L; có chồng là Vũ Duy H1 và có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Ngọc Đ**, sinh năm 1980 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 8, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hồng Đ1 (đã chết) con bà Trần Thị T; có chồng là Bùi Ngọc T1 và có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984; trú tại: Xóm 8, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”.

Anh Phạm Văn C, sinh năm 1962; trú tại: Xóm 8, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. “vắng mặt”.

*** Người làm chứng:** Anh Vũ Duy H2. “vắng mặt”

*** Người chứng kiến:** Anh Ninh Văn T3. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Thu H nhận mua bán số lô, số đề với khách qua tin nhắn điện thoại, sau đó tự trả thưởng để thu lợi nhuận. Trong các ngày từ 02/12/2020 đến 03/02/2021 H sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo A37F có số 03338266xx để bán số lô, số đề cho Trần Ngọc Đ; Nguyễn Văn T2, sinh năm 1984; trú tại xóm 8, xã A và Phạm Văn C, sinh năm 1962; trú tại xóm 8, xã N, huyện K. H bán 01 điểm lô với số tiền 22.500 đồng, số đề cứ khách mua từ 10.000 đồng trở lên H khuyến mãi thêm 20%. Việc trúng thưởng sẽ lấy kết quả của xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày, cụ thể: số đề sẽ so với 02, 03 số cuối của giải đặc biệt, nếu trúng thì H sẽ phải trả gấp 70 lần đối với 02 số và 400 lần đối với 03 số; số lô được so với 02 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt, mỗi điểm lô nếu trúng thì người mua được 80.000 đồng, nếu người mua 01 số lô mà số này trùng với 02, 03 hoặc 04 số cuối của tất cả các giải từ giải bảy đến giải đặc biệt thì được gọi là “trúng lô nhiều nháy” và H phải trả số tiền tương ứng với số “nháy trúng” nhưng tối đa là 03 nháy. Đối với lô xiên 2, 3, 4 thì H phải trả lần lượt gấp 10, 40 và 100 lần. Nếu người mua không trúng thì H sẽ được hưởng số tiền mà người mua bỏ ra, cụ thể như sau:

Hồi 17 giờ 51 phút ngày 02/12/2020, Phạm Văn C sử dụng điện thoại nhãn hiệu Nokia có số 09841761xx nhắn tin đến điện thoại của H mua 10 số đề với số tiền 100.000 đồng, kết quả C không trúng thưởng. Như vậy, số tiền đánh bạc giữa C và H trong ngày là 100.000 đồng, số tiền đánh bạc C đã thanh toán cho H.

Hồi 17 giờ 19 phút ngày 30/01/2021, Trần Ngọc Đ sử dụng điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 có số 08581505xx nhắn tin đến điện thoại của H mua 06 số lô tổng 60 điểm với số tiền 1.350.000 đồng và 70 số đề với số tiền 2.040.000 đồng. Tổng số tiền Đ mua số lô, số đề là 3.390.000 đồng, kết quả Đ trúng 40 điểm lô với số tiền 3.200.000 đồng. Như vậy số tiền đánh bạc giữa Đ và H trong ngày là 6.590.000 đồng, số tiền đánh bạc chưa thanh toán cho nhau.

Hồi 17 giờ 36 phút ngày 03/02/2021, Trần Ngọc Đ sử dụng điện thoại có đặc điểm như trên nhắn tin đến điện thoại của H mua 04 số lô tổng 40 điểm với số tiền 900.000 đồng và 25 số đề với số tiền 1.200.000 đồng. Tổng số tiền Đ mua số lô, số đề là 2.100.000 đồng. Do hành vi của H bị phát hiện trước khi mở thưởng nên không tính kết quả trúng thưởng. Số tiền đánh bạc Đ chưa thanh toán cho H.

Hồi 17 giờ 40 phút ngày 03/02/2021, Nguyễn Văn T2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 lắp sim số 09683839xx nhắn tin đến điện thoại của H mua 04 số lô tổng 20 điểm với số tiền 450.000 đồng và 05 số đề với số tiền 200.000 đồng; 01 số đề 03 số với số tiền 100.000 đồng và 01 số lô xiên 4 với số tiền 50.000 đồng, tổng số tiền T2 mua số lô, số đề là 800.000 đồng. Do hành vi của H bị phát hiện trước khi mở thưởng nên không tính kết quả trúng thưởng. Số tiền đánh bạc T2 chưa thanh toán cho H.

Qua đơn tố giác của quần chúng nhân dân, hồi 18 giờ 10 phút ngày 03/02/2021, Tổ công tác của Công an huyện K và Công an xã N đến nhà của Bùi Thị Thu H để làm việc và lập biên bản vi phạm hành chính đối với Hiền.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A37F, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 của H và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 của Đ.

Vật chứng không thu giữ được: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 của Nguyễn Văn T2 và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia của Phạm Văn C.

Ngày 03/3/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã ra Quyết định trưng cầu giám định để khôi phục dữ liệu trên điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37F (ký hiệu A1) thu giữ của H và Oppo F9 (ký hiệu A2) thu giữ của Đ.

Tại Bản kết luận giám định số 1702/C09-P6 ngày 15/6/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Tìm thấy 42 tin nhắn SMS lưu trữ trong mẫu vật gửi giám định ký hiệu A1; 99 tin nhắn SMS lưu trữ trong mẫu vật gửi giám định A2. Tìm thấy 203 file hình ảnh, 01 file video lưu trữ trong mẫu vật gửi giám định A1; 201 file hình ảnh, 07 file video lưu trữ trong mẫu vật gửi giám định A2.

Bản cáo trạng số 68/CT-VKS ngày 15/7/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Bùi Thị Thu H và Trần Ngọc Đ về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bùi Thị Thu H và Trần Ngọc Đ phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 (đối với Hiền) Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo H 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A37F của H và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 của Đ.

- Truy thu bị cáo Bùi Thị Thu H số tiền 3.300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc (100.000 đồng của C; 3.200.000 đồng của Đ).

- Truy thu bị cáo Trần Ngọc Đ số tiền 5.490.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên và không có ý kiến gì khác, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn tố giác tội phạm; Biên bản sự việc lập ngày 03/02/2021; Biên bản kiểm tra điện thoại; Bản kết luận giám định số 1702/C09-P6 ngày 15/6/2021; Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị

cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, cụ thể vào hồi 17 giờ 19 phút ngày 30/01/2021, tại nhà ở của mình ở xóm 8, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bùi Thị Thu H đã có hành vi bán số lô, số đề trái phép qua tin nhắn điện thoại cho Trần Ngọc Đ với tổng số tiền là 6.590.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Bùi Thị Thu H và bị cáo Trần Ngọc Đ phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như đã được viện dẫn. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây và vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với bị cáo Bùi Thị Thu H, có nhân thân thân tốt, tuy nhiên bị cáo lại giữ vai trò chính, bị cáo là người trực tiếp bán số lô, số đề, tự trả thưởng cho Trần Ngọc Đ, Nguyễn Văn T2 và Phạm Văn C, do vậy bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Đ.

Đối với bị cáo Trần Ngọc Đ, bị cáo cũng có nhân thân tốt, hành vi phạm tội của bị cáo chỉ mang tính được thua, bị cáo là người chơi, số tiền sử dụng vào việc

đánh bạc không lớn, do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội của mình.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Bùi Thị Thu H và bị cáo Trần Ngọc Đ được hưởng tình tiết “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H có bố và mẹ là người có công, được Nhà nước tặng nhiều huân chương, do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo tuy là ít nghiêm trọng, nhưng cần phải xử lý trước pháp luật bằng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi đánh bạc trong các ngày 02/12/2020 và 03/02/2021 giữa Bùi Thị Thu H với Phạm Văn C, Trần Ngọc Đ và Nguyễn Văn T2. Do H, Đ, T2, C đều chưa có tiền án, tiền sự về tội “Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc”, số tiền mua, bán số lô, số đề dưới 5.000.000 đồng nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc”. Công an huyện K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những người này và truy thu số tiền 800.000 đồng của anh T2 đã sử dụng vào việc đánh bạc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Vũ Duy H2 là chồng của H, quá trình H mua bán số lô, số đề với người khác, ông H2 không biết nên không vi phạm pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 thu giữ của bị cáo H, quá trình điều tra đã xác minh bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A37F thu giữ của bị cáo H và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 thu giữ của bị cáo Đ. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia 1208 của anh T2 và 01 điện thoại Nokia của anh C. Quá trình điều tra đã xác định do điện thoại hỏng anh T2 vứt đi, còn điện thoại của anh C đã mất không tìm lại được, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với số tiền bị cáo Bùi Thị Thu H sử dụng vào việc đánh bạc là 3.300.000 đồng, cụ thể: 100.000 đồng của anh C; 3.200.000 đồng của Đ. Cần phải truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước;

Đối với số tiền bị cáo Trần Ngọc Đ sử dụng vào việc đánh bạc với bị cáo H và chưa thanh toán cho H là 5.490.000 đồng. Cần phải truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước;

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Thị Thu H và bị cáo Trần Ngọc Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo Hiền) Điều 51; Điều 58; Điều 35; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị Thu H và Trần Ngọc Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ số tiền 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 cho bị cáo H, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A37F thu giữ của bị cáo H và 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo F9 thu giữ của bị cáo Đ. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Truy thu bị cáo Bùi Thị Thu H số tiền 3.300.000 đồng.

- Truy thu bị cáo Trần Ngọc Đ số tiền 5.490.000 đồng.

3. Án phí: Buộc các bị cáo Bùi Thị Thu H và Trần Ngọc Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo, người LQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng